

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2621**/UBND-KTN
V/v bổ sung nội dung tiếp
thu, giải trình đối với Báo
cáo đề xuất chủ trương
đầu tư dự án “Phục hồi và
quản lý bền vững rừng tại
miền Trung và miền Bắc
Việt Nam - giai đoạn 1”
tỉnh Quảng Ngãi (lần 2)

Quảng Ngãi, ngày **02** tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện nội dung yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với Dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - KfW9 giai đoạn 1” sử dụng vốn ODA của Chính phủ Đức, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo các cơ quan liên quan và chủ dự án rà soát, bổ sung nội dung tiếp thu, giải trình đối với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - giai đoạn 1” tỉnh Quảng Ngãi (Sau đây gọi là Dự án).

Nội dung bổ sung, tiếp thu, giải trình theo yêu cầu của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường đối với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án được UBND tỉnh nêu chi tiết tại **Phụ lục đính kèm**.

Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư Dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - giai đoạn 1” tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư,
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: V.T, KTN_{ph207}.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh



PHỤ LỤC 01

Về việc tiếp thu, giải trình ý kiến các cơ quan đối với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án “Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Bắc và miền Trung Việt Nam - giai đoạn 1” tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Công văn số 2022/UBND-KTN ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình
I	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (theo Công văn số 1412/BKHĐT-KTĐT ngày 17/3/2021, ý kiến tại cuộc họp theo Giấy mời số 16/GM-KTĐN ngày 07/11/2022)	
I	Bối cảnh và sự cần thiết	
1.1.	Đề nghị rà soát, phân tích thực trạng quản lý rừng của tỉnh.	<p>Tỉnh Quảng Ngãi thuộc duyên hải miền Trung có tổng diện tích tự nhiên 515.561 ha, dân số khoảng 1,22 triệu người. Phần lớn nhân dân sống chủ yếu bằng nghề sản xuất nông, lâm, thủy sản.</p> <p>Trong những năm qua, trên địa bàn tỉnh đã và đang triển khai thực hiện các chiến lược, chính sách, các chương trình và dự án nhằm thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, sử dụng rừng, bảo vệ đa dạng sinh học, giảm nghèo và phát triển bền vững rừng. Trong đó, đã xác định “rừng và phát triển rừng đóng một vai trò quan trọng” nên đã định rõ các mục tiêu huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế khác nhau, của các tổ chức xã hội cho phát triển rừng nhằm nâng cao sự đóng góp cho bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và các cung ứng dịch vụ môi trường. Nhờ đó, diện tích rừng trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng.</p> <p>Tuy nhiên các hệ sinh thái rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh đã và đang bị đe dọa nghiêm trọng, trong đó có các huyện Ba Tơ, Minh Long, Trà Bồng và Tư Nghĩa sẽ dẫn đến làm suy giảm các loài động, thực vật quý hiếm và có giá trị. Nguyên nhân chính chủ yếu là do quá trình chuyển đổi rừng tự nhiên thành các hệ thống canh tác thay thế có lợi nhuận kinh tế cao, chủ yếu là chuyển đổi sang rừng trồng nguyên liệu (Keo), làm nương rẫy (trồng Sắn), khai thác lâm sản trái pháp luật đã thể hiện những bất cập trong hệ thống thực thi pháp luật hiện hành, hệ thống bảo vệ rừng và những tồn tại, bất cập trong việc xây dựng nhận thức về thiên nhiên và các hoạt động giáo dục...</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình
1.2	<p>Tổng kết, đánh giá hiệu quả của với các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện cùng lĩnh vực sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài và các nguồn vốn khác trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua;</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung các dự án thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi cùng lĩnh vực sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài và các nguồn vốn khác trong thời gian qua (Bổ sung vào mục khoản 1 mục II của báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án), cụ thể:</p> <p>Tiếp thu, bổ sung các dự án thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, gồm có:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Dự án 661: thực hiện giai đoạn từ 1999-2010, dự án đã thực hiện: trồng rừng phòng hộ 23.112 ha; trồng rừng sản xuất trên 55.500 ha, khoán quản lý bảo vệ rừng 523.241 lượt ha; khoanh nuôi tái sinh 66.332 ha. Góp phần tạo công ăn việc làm cho 10.000 lao động và góp phần tăng độ che phủ của rừng từ 24,6% năm 1999 lên 43,91% vào năm 2010. 2. Dự án WB3: thực hiện giai đoạn từ 2005-2014, đến 2013 đã trồng 12.750 ha đem lại hiệu quả thiết thực cho người dân bằng nguồn thu nhập từ trồng rừng và quyền sử dụng đất lâu dài thông qua việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến nay đã cấp được 7.300 ha. 3. Dự án JIBIC: thực hiện giai đoạn từ 2002-2008, dự án đã trồng 4.846,82 ha rừng phòng hộ đầu nguồn các con sông, hồ đập; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 322 ha và khoán quản lý bảo vệ rừng 5.567,6 ha. Dự án đã mang lại cho người dân nguồn thu nhập từ trồng rừng, bảo vệ rừng, giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động tại vùng dự án. Ngoài ra, dự án còn mang lại hiệu quả thiết thực về bảo vệ môi trường. 4. Dự án KfW6: thực hiện giai đoạn từ 2005-2014, đến nay dự án đã trồng được 3.629,22 ha rừng, đã cấp 2.425 sổ tại huyện Đức Phổ, Nghĩa Hành và Tư Nghĩa. Đã thiết lập 02 mô hình quản lý rừng cộng đồng tại 02 thôn Khánh Giang và Trường Lệ tại xã Hành Tín Đông huyện Nghĩa Hành với tổng diện tích 1.012,43 ha, đây là mô hình mới đem lại hiệu quả cao trong công tác quản lý, bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng dân cư thôn. Qua đó, nâng cao ý thức người dân trong việc quản lý bảo vệ rừng. 5. Dự án PACSA2: Dự án trồng rừng trên cát từ 2009-2014, dự án đã trồng 333,67 ha rừng tại Đức Phổ. Dự án đã đầu tư xây dựng một số hạng mục cơ sở hạ tầng phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh quốc phòng ven biển.

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình
1.3	<p>Những kết quả đã làm được và vấn đề còn tồn tại cần có các biện pháp giải quyết để từ đó làm rõ tính cần thiết thực hiện Dự án và đảm bảo tránh rừng lấp trong đầu tư.</p>	<p>6. Dự án phục hồi và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi (Dự án JICA 2), thực hiện giai đoạn từ 2012-2021; Mục tiêu tổng thể của dự án: Quản lý và bảo vệ bền vững rừng phòng hộ đầu nguồn; Phục hồi và bảo tồn đa dạng sinh học; Góp phần xóa đói giảm nghèo ở khu vực miền núi. Dự án JICA2 tỉnh Quảng Ngãi đã đạt mục tiêu cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phục hồi và quản lý 8.929,5 ha rừng phòng hộ thuộc Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi (thuộc 12 xã, 04 huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây và Trà Bồng); + Tăng cường năng lực cho chính quyền địa phương 12 xã trên địa bàn 04 huyện và 05 Ban quản lý rừng phòng hộ (Đông Ba Tơ, Tây Ba Tơ, Thạch Nham và Tây Trà) nay là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi; + Cải thiện sinh kế cho cộng đồng tại 12 xã, nhưng cộng đồng tham gia quản lý rừng phòng hộ và cả những hộ lân cận. Góp phần giảm áp lực vào rừng thông qua các hoạt động phát triển sinh kế thay thế cho các hoạt động sinh kế dựa vào rừng phòng hộ. - Các công trình cơ sở hạ tầng làm sinh 47 km đường làm nghiệp tạo điều kiện thuận lợi trong công tác bảo vệ và phát triển rừng; Đường ranh cản lửa 38,6 km; chòi canh lửa 9 chòi; Trạm bảo vệ 7 trạm; Bảng thông tin 4 bảng; Vườn ươm 2 cái. <p>- Giai đoạn năm 2016-2020, tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nên độ che phủ rừng năm 2021 đạt 51,75%. Mặc dù vậy, do kinh phí hỗ trợ của Trung ương chưa đủ, ngân sách tỉnh còn hạn chế, nên nhiều diện tích rừng tự nhiên chưa được giao khoán bảo vệ, nhiều đám rừng trong rừng tự nhiên chưa được trồng bổ sung cây bản địa tiềm ẩn nhiều nguy cơ cháy rừng, lấn chiếm đất, cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư phù hợp và đáp ứng nhu cầu với thực tế. Do đó tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất làm nghiệp, khai thác trái phép gỗ và lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn tỉnh vẫn còn xảy ra.</p> <p>- Dự án Phục hồi và quản lý rừng bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - giai đoạn 1 tỉnh Quảng Ngãi là hết sức cần thiết, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Quy hoạch 3 loại rừng và Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình
		<p>tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 nhằm góp phần đạt mục tiêu lĩnh vực lâm nghiệp đề ra, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Về xã hội: Tạo thêm việc làm ổn định, ổn định cuộc sống cho người dân và cộng đồng dân cư trong vùng dự án, góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định an ninh, chính trị, trật tự và an toàn xã hội trong vùng. + Về kinh tế: Góp phần nâng cao thu nhập và đảm bảo an ninh lương thực cho người dân và cộng đồng tham gia quản lý rừng, nâng cao hiệu quả kinh tế của rừng, giảm các áp lực của sự phụ thuộc vào tài nguyên rừng cho các khu rừng phòng hộ. - Dự án sẽ mang lại hiệu quả về kinh tế, xã hội, về môi trường và phòng chống thiên tai do biến đổi khí hậu: Việc thực thi dự án góp phần hạn chế xói lở, giảm nhẹ quá trình mất đất canh tác, tăng hiệu quả sử dụng đất thuộc vùng dự án của 04 huyện. Góp phần giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ đồng ruộng, hệ thống đê điều, kênh mương, hồ đập, duy trì nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt. Từ đó góp phần bảo tồn nguồn gen và đa dạng sinh học, tăng cường sự bền vững của nền sản xuất nông - lâm- ngư nghiệp vùng miền núi. Giải quyết một phần nhu cầu gỗ củi, nhờ các sản phẩm tận thu trung gian từ rừng, tăng thu nhập cho người dân sống bằng nghề rừng.
1.4	<p>Về sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược; kế hoạch và quy hoạch phát triển KTXH và quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh, đề nghị quý Ủy ban bổ sung đánh giá sự phù hợp và đóng góp của Dự án vào quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại địa phương.</p>	<p>Dự án Phục hồi và quản lý rừng bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - giai đoạn I tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; 2. Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 tại Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 18/02/2022; 3. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 tại Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; 4. Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình
1.5	Bổ sung thêm thông tin về hiện trạng đa dạng sinh học trên địa bàn thực hiện Dự án.	ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Năm 2017, UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 02/02/2017.
2	Quy mô, hoạt động đầu tư Rà soát để chỉ sử dụng vốn vay ODA cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên; Rà soát các hoạt động đầu tư để đảm bảo thuộc hạng mục chi của địa phương để đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành trong việc sử dụng vốn vay ODA	Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - giai đoạn 1” tỉnh Quảng Ngãi đã lập (kèm theo tài Tờ trình số 23/TT-Tr-UBND ngày 28/02/2022) tuân thủ theo quy định hiện hành “nguồn vốn ODA được phân bổ chi cho các hạng mục đầu tư phát triển, nguồn vốn đối ứng của tỉnh được phân bổ chi thường xuyên theo các hoạt động quản lý dự án”.
3	Tổng mức đầu tư	
3.1	Dự án cần xác định rõ và chi đề xuất đầu tư các hạng mục thuộc nhiệm vụ chi của cấp mình (cấp trung ương hoặc cấp địa phương) kèm theo cơ sở pháp lý có liên quan để tránh trường hợp hoạt động đầu tư thuộc cấp trung ương nhưng lại đề xuất thực hiện tại dự án của địa phương (hoặc ngược lại)	Tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - giai đoạn 1” tỉnh Quảng Ngãi đã lập (kèm theo tài Tờ trình số 23/TT-Tr-UBND ngày 28/02/2022).

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình
3.2	Đề nghị rà soát để đảm bảo không sử dụng vốn vay ODA cho các hoạt động chi thường xuyên.	Theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - giai đoạn 1 tỉnh Quảng Ngãi đã lập và trình; trong đó, tuân thủ theo quy định hiện hành “nguồn vốn ODA được phân bổ chỉ cho các hạng mục đầu tư phát triển, nguồn vốn đối ứng của tỉnh được phân bổ chỉ thường xuyên theo các hoạt động quản lý dự án”.
3.3	Không đưa hạng mục hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ vào phạm vi sử dụng vốn vay của Dự án này do đây là nội dung chi không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.	Đối tỉnh Quảng Ngãi, đối tượng trực tiếp tham gia dự án là các Ban quản lý rừng phòng hộ, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân, do đó dự án không có nội dung “hoạt động hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ”.
4	Cơ chế tài chính	
4.1	Đề nghị làm rõ cơ chế tài chính và khả năng cân đối trả nợ/hạn mức vay nợ của địa phương.	<p>- Cơ chế tài chính: tỉnh Quảng Ngãi là địa phương có điều tiết ngân sách Trung ương. Theo đó, tỉnh Quảng Ngãi vay lại là 70% vốn vbay ODA, Trung ương cấp phát 30% vốn ODA (Tỷ lệ vay lại được Bộ Tài chính công bố theo Quyết định số 1972/QĐ-BTC ngày 08/10/2021)</p> <p>- Hạn mức dư nợ vay năm 2022 là 3.247 tỷ đồng. Dư nợ đến cuối năm 2022 dự kiến 237,2 tỷ đồng, hạn mức dư nợ còn lại của tỉnh đến cuối năm 2022 là 3.009,8 tỷ đồng. Nếu tính khoản vay của KfW đề xuất cho Dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - giai đoạn 1 tỉnh Quảng Ngãi là 23,6 tỷ đồng, thì hạn mức vay còn lại của tỉnh 2.986,2 tỷ đồng, với hạn mức dư nợ này vẫn còn trong hạn mức dư nợ cho phép theo quy định của luật NSNN.</p>
4.2	Làm rõ các hoạt động đầu tư đề xuất áp dụng theo quy định tại Nghị định số 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về một số chính sách quản lý,	<p>- Tỉnh Quảng Ngãi không có đối tượng đề xuất áp dụng theo quy định tại Nghị định số 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về một số chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>- Mặt khác, theo kết quả tại cuộc họp trực tuyến ngày 14/01/2022 (Giấy mời 16/GM-KHĐT ngày 07/01/2022), theo đó, các hoạt động đầu tư đề xuất áp dụng theo quy định tại Nghị định</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình
	bảo vệ và phát triển bền vững rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu.	119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ không còn phù hợp nên không đưa vào Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
5	Thời gian thực hiện Giải trình rõ hơn về việc đề xuất thực hiện dự án trong 07 năm làm cơ sở báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét	Dự án KFW9.1 là dự án đầu tư với các nội dung chính là phát triển rừng phòng hộ; trong đó, có các hạng mục đầu tư như: trồng rừng, chăm sóc rừng trồng; Khoaanh nuôi tái sinh rừng; quản lý bảo vệ rừng, Theo quy trình kỹ thuật thực hiện các hạng mục nêu trên thì thời gian đầu tư tới thiểu là 05-06 năm để hoàn thành. Căn cứ vào khối lượng và nội dung các hạng mục đầu tư, tỉnh Quảng Ngãi thống nhất với đề xuất thời gian thực hiện dự án trong 07 năm (bao gồm cả thời gian chuẩn bị, đầu tư, bàn giao và quyết toán dự án hoàn thành).
II	Ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường (tại Văn bản số 7485/BTNMT-KHTC ngày 31/12/2020)	
1	Bảo cáo Đề xuất dự án cần làm rõ diện tích hiện trạng sử dụng đất đề thực hiện dự án yêu cầu phải đảm bảo đúng pháp luật đất đai, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật về quy hoạch và các pháp luật khác có liên quan.	Phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất của các huyện tham gia dự án do UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt, cụ thể: - Huyện Trà Bồng (Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 15/09/2021); - Huyện Ba Tơ (Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 10/09/2021); - Huyện Tư Nghĩa (Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 09/09/2021); - Huyện Minh Long (Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 09/09/2021).
2	Hạn chế tối đa việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên.	Dự án KFW9.1 là dự án đầu tư với các nội dung chính là phát triển rừng phòng hộ; trong đó, có các hạng mục đầu tư như: trồng rừng, chăm sóc rừng trồng; Khoaanh nuôi tái sinh rừng; quản lý bảo vệ rừng, Vì vậy, dự án không có thực hiện các nội dung chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên sang mục đích khác.

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình
3	Căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012	Tiếp thu và chỉnh sửa, bổ sung.
4	Trường hợp được chấp thuận đầu tư, trong quá trình triển khai Dự án cần tuân thủ theo các quy định về tài nguyên nước, cụ thể như sau: quy định về phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước tại Điều 26; quy định về đảm bảo sự lưu thông dòng chảy tại Điều 30; quy định về khai thác sử dụng nguồn nước tại Điều 43; quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.	Dự án cam kết tuân thủ theo các quy định về tài nguyên nước, cụ thể như sau: quy định về phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước tại Điều 26; quy định về đảm bảo sự lưu thông dòng chảy tại Điều 30; quy định về khai thác sử dụng nguồn nước tại Điều 43; quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.
5	Khu vực địa bàn thực hiện dự án được đánh giá là có tính đa dạng sinh học cao, có nhiều động vật quý hiếm. Vì vậy dự án cần nghiên cứu xây dựng chương trình bảo vệ một số loài quan trọng.	Để tránh sự trùng lặp nội dung thực hiện các dự án khác nhau trên cùng một khu vực, việc xây dựng chương trình bảo vệ một số loài quan trọng sẽ thực hiện theo các dự án có nguồn lực huy động theo các chương trình khác, cụ thể: Theo Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ban hành Danh mục các chương trình, dự án vận động viện trợ nước ngoài vào tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025, trong đó có “Dự án nâng cao kỹ năng bảo tồn đa dạng sinh học cho cán bộ, công nhân viên và người dân bản địa tại khu

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình
		vực bảo tồn” và dự án “Hiện đại hóa, nâng cao năng lực giám sát tài nguyên rừng tỉnh Quảng Ngãi”.
6	Đề nghị bổ sung thêm hồ sơ theo yêu cầu là Văn bản phê duyệt Đề xuất chương trình, dự án của cấp có thẩm quyền	Tiếp thu ý kiến và đã bổ sung theo quy định.
7	Làm rõ nội dung về thời gian thực hiện Dự án	Tiếp thu, điều chỉnh tại khoản 5 mục I của phụ lục này
III	Ý kiến của Bộ Tài chính (tại Văn bản số 664/BTC-QLN ngày 20/01/2021)	
1	Đề nghị rà soát để đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước là “Vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên”. Ngoài ra, đề nghị rà soát, chỉ thực hiện các hoạt động đầu tư thực sự cần thiết, ưu tiên sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại, sau đó mới sử dụng vốn vay; cung cấp bảng số liệu bóc tách rõ các hạng mục đầu tư của Dự án và nguồn vốn thực hiện tương ứng và lưu ý đảm bảo nguyên tắc không sử dụng vốn vay cho các hoạt động chi thường xuyên	Tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - giai đoạn 1” tỉnh Quảng Ngãi đã lập (kèm theo tại Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 28/02/2022). (có phụ lục 02 kèm theo)

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình
2	<p>Về nguyên tắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chỉ được sử dụng nguồn vốn vay từ Chính phủ Đức cho các nhiệm vụ chi phát triển kinh tế-xã hội của ngân sách địa phương. Đề nghị rà soát, loại bỏ các nội dung chi không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương ra khỏi phạm vi thực hiện của hợp phần này. Đồng thời không đưa các nội dung liên quan đến cơ chế thanh toán nguồn vốn, cơ cấu tổ chức của Dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện vào phạm vi Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án của tỉnh.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - giai đoạn 1” tỉnh Quảng Ngãi đã lập (kèm theo tại Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 28/02/2022).</p>
3	<p>Đề nghị rà soát lại cơ cấu nguồn vốn tổng thể của Dự án; theo đó tỷ trọng vốn đối ứng trong tổng quy mô vốn dự kiến của Dự án chiếm khoảng 25,3% là tương đối cao trong khi vốn đối ứng chỉ sử dụng</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - giai đoạn 1” tỉnh Quảng Ngãi đã lập (kèm theo tại Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 28/02/2022), trong đó vốn đối ứng chiếm tỷ trọng 21,17% (900.000 EUR/4.250.000 EUR).</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình
	cho chi quản lý dự án và chi trả thuế.	
4	Đổi với các nội dung liên quan đến đối tượng rừng sản xuất, đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi làm rõ nội dung này có thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương hay không. Trường hợp không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương mà là hoạt động của chủ rừng, hộ gia đình riêng lẻ, đề nghị không đưa nội dung này vào phạm vi của dự án	Theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - giai đoạn 1” tỉnh Quảng Ngãi đã lập và trình, trong đó, tuân thủ theo quy định hiện hành “nguồn vốn ODA được phân bổ chi cho các hạng mục đầu tư phát triển, nguồn vốn đối ứng của tỉnh được phân bổ chi thường xuyên theo các hoạt động quản lý dự án”. Các hợp phần triển khai thực hiện Dự án của tỉnh chỉ tập trung trồng rừng trên các đối tượng rừng phòng hộ, do đó không có hoạt động hỗ trợ trồng rừng sản xuất cho doanh nghiệp và hộ gia đình riêng lẻ.
5	Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi không đưa các nội dung về mua sắm thiết bị văn phòng và phần mềm của Ban Quản lý dự án trung ương vào hợp phần của địa phương thực hiện	Tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - giai đoạn 1” tỉnh Quảng Ngãi đã lập (kèm theo tại Tờ trình số 23/TT-UBND ngày 28/02/2022),
6	Đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi rà soát, cập nhật các số liệu về vay nợ dự kiến của ngân sách địa phương trong giai đoạn dự kiến thực hiện dự án, đảm bảo dư nợ vay năm trong	- Về hạn mức dư nợ: Hạn mức dư nợ vay năm 2022 là 3.247 tỷ đồng. Dư nợ đến cuối năm 2022 dự kiến 237,2 tỷ đồng, hạn mức dư nợ còn lại của tỉnh đến cuối năm 2022 là 3.009,8 tỷ đồng. Nếu tỉnh hoàn vay của KfW đề xuất cho Dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - giai đoạn 1 tỉnh Quảng Ngãi là 23,6 tỷ đồng, thì hạn mức vay còn lại của tỉnh 2.986,2 tỷ đồng, với hạn mức dư nợ này vẫn còn trong hạn mức dư nợ cho phép theo quy định của luật NSNN.

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>hạn mức cho phép (trong đó đề nghị trong đó đề nghị tính toán các khoản vay mới dự kiến thực hiện từ các nguồn vốn vay khác trong giai đoạn này)</p>	<p>Nội dung tiếp thu, giải trình</p> <p>- Về khả năng trả nợ đến cuối năm: Tính đến thời điểm năm 2022, tỉnh Quảng Ngãi đang triển khai thực hiện 03 dự án, với tổng vốn vay lại khoảng 233 tỷ đồng) (tính đến thời điểm tháng 5/2022 thực tế tỉnh đã vay lại 102 tỷ đồng) và các dự án này vẫn đang phaoir bố trí trả nợ gốc khoảng 46,2 tỷ đồng (trong đó năm 2025 là 15,5 tỷ đồng), trả lãi phí khoảng 78,7 tỷ đồng (trong đó năm 2025 khoảng 28,7 tỷ đồng), còn lại 06 dự án đề xuất mới trong giai đoạn 2021-2025 phải bố trí trả nợ gốc trong giai đoạn này chưa phải bố trí trả nợ gốc trong giai đoạn này. Theo phương án vay và trả nợ vay của dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - giai đoạn 1” tỉnh Quảng Ngãi, dự kiến đến năm 2032 sẽ bắt đầu trả nợ gốc, nên dự án thực hiện sẽ đảm bảo dư nợ vay nằm trong hạn mức cho phép trong giai đoạn dự kiến thực hiện dự án. (có phụ lục 03 kèm theo)</p>
V	<p>Ý kiến của Bộ Công Thương (tại Văn bản số 9138/BCT-KH ngày 27/11/2020)</p>	
1	<p>Về hình thức và hồ sơ: Đề nghị hoàn thiện theo đúng mẫu và nội dung yêu cầu theo quy định hiện hành; làm rõ cơ sở pháp lý để các địa phương thực hiện tách và trình từng dự án độc lập.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - giai đoạn 1” tỉnh Quảng Ngãi đã lập (kèm theo tại Tờ trình số 23/Tr-UBND ngày 28/02/2022) theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;</p>
2	<p>Về sự cần thiết và khái quát về các dự án có liên quan đã, đang thực hiện từ các nguồn vốn khác: Đề nghị rà soát và bổ sung nội dung đánh giá về tình hình thực hiện, kết quả, các vấn đề chưa được xử lý, nêu rõ tính kế thừa và đóng góp mới; rà soát</p>	<p>Việc khôi phục, quản lý rừng bền vững và bảo tồn, phát triển đa dạng sinh học gắn liền với cải thiện sinh kế cho cộng đồng dân cư địa phương ở khu vực này là rất quan trọng và cần thiết. Trên cơ sở đề nghị của Chính phủ Việt Nam, Chính phủ CHLB Đức có kế hoạch hỗ trợ Việt Nam giải quyết các vấn đề nêu trên thông qua thúc đẩy bảo vệ đa dạng sinh học, phục hồi rừng và quản lý rừng bền vững với sự tham gia trực tiếp của cộng đồng địa phương. Tại cuộc đàm phán giữa Chính phủ Đức và Chính phủ Việt Nam tháng 5/2015, phía Đức đã cam kết dành 20,24 triệu Euro (vốn viện trợ 10 triệu Euro, vốn vay 10,24 triệu Euro) cho Dự án</p>

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình
	<p>tổng hợp các kinh nghiệm trong các dự án khác xử lý các vấn đề liên quan.</p>	<p>“Phục hồi và Quản lý rừng bền vững ở miền Bắc và miền Trung Việt Nam giai đoạn I - Dự án KFW9.1” (gồm các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và Ninh Thuận).</p> <p>Sau khi có ý kiến thống nhất của Thủ tướng chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi sẽ tiến hành phê duyệt văn kiện, phê duyệt quyết định đầu tư và các bước công việc tiếp theo của dự án. Tiến độ thực hiện dự kiến: Năm 2023 tiến hành đàm phán và ký Hiệp định tài chính, thành lập Ban quản lý dự án các cấp và triển khai thực hiện. Thời gian thực hiện Dự án: Từ năm 2023 đến năm 2029.</p> <p>Các nội dung trên đã được tiếp thu và bổ sung vào Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án của tỉnh.</p>
3	<p>Về số liệu và tài liệu: Đề nghị bổ sung các số liệu thống kê, số liệu điều tra khảo sát đánh giá thực trạng về quy mô, diện tích rừng, độ che phủ, mức độ đa dạng sinh học, mô hình quản lý rừng...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Huyện Trà Bồng, diện tích đất lâm nghiệp 65.562,8 ha, trong đó rừng phòng hộ đầu nguồn 22.718,42 ha; rừng tự nhiên là rừng sản xuất là 4.674,66; rừng tự nhiên là hiện trạng rừng thứ sinh, có hệ thực vật và động vật có tính đa dạng sinh học cao; độ che phủ rừng đạt 59,18% - Huyện Ba Tơ, diện tích đất lâm nghiệp là 96.272,97 ha; trong đó rừng phòng hộ đầu nguồn 33.981,13 ha; rừng tự nhiên là rừng sản xuất là 13.030,28; rừng tự nhiên là hiện trạng rừng thứ sinh, có hệ thực vật và động vật có tính đa dạng sinh học cao; độ che phủ rừng đạt 68,56% - Huyện Tư Nghĩa: diện tích đất lâm nghiệp là 7.461,16 ha; trong đó rừng phòng hộ đầu nguồn 2.263,36 ha; rừng tự nhiên là rừng sản xuất là 1.800,36; rừng tự nhiên là hiện trạng rừng thứ sinh, có hệ thực vật và động vật có tính đa dạng sinh học cao; độ che phủ rừng đạt 24,4%. - Huyện Minh Long: diện tích đất lâm nghiệp là 9.064,61 ha; trong đó rừng phòng hộ đầu nguồn 8.936,48 ha; rừng tự nhiên là rừng sản xuất là 598,12; rừng tự nhiên là hiện trạng rừng thứ sinh, có hệ thực vật và động vật có tính đa dạng sinh học cao; độ che phủ rừng đạt 65,55%. - Địa bàn các huyện Ba Tơ, Trà Bồng, có núi Cao Muôn, Cà Dam và giải rừng thấp nối với dãy rừng Trung Trường Sơn, nơi có độ Đa dạng sinh học (EDSH) cao trong khu vực nhiệt đới châu Á. Nơi đây không chỉ đa dạng về thành phần loài, mà còn là sinh cảnh thích hợp

STT	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình
		<p>cho các loài động, thực vật bậc cao, các loài đặc hữu, quý hiếm bậc nhất toàn cầu cần được bảo vệ nghiêm ngặt như: Gà lôi lam mào trắng; gà Sò trung bộ; Hổ; Mang lớn, Vượn má hung, Voọc chà vá chân xám; Thát điệp nhất chi hoa; Quế, song mây, Sa nhân ... (theo: đề tài Điều tra, đánh giá tài nguyên đa dạng sinh học vùng rừng Cao Muôn và Cà Đam tỉnh Quảng Ngãi phục vụ xây dựng khu bảo tồn gắn với du lịch sinh thái bền vững, thực hiện từ năm 2010- 2012; Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn dự trữ thiên nhiên khu Tây huyện Ba Tơ; Quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn dự trữ thiên nhiên khu Tây huyện Trà Bồng);</p> <p>- Địa bàn các huyện Minh Long, Tư Nghĩa: Chủ yếu là thứ sinh thuộc kiểu trạng thái rừng gỗ lá rộng thường xanh, với nhiều loài cây khác nhau, rừng trồng chủ yếu là Sao đen, Lim xanh,...; động vật tại các khu vực này có: Mang lớn, Voọc chà vá chân xám,... nhìn chung rừng tại 02 huyện này có tính đa dạng sinh học cao. Tuy nhiên chưa có những nghiên cứu điều tra, đánh giá đầy đủ để đề xuất các dự án bảo tồn tại các huyện này.</p>
4	<p>Dự án là giai đoạn tiếp nối của Dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam-KfW6” tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định thực hiện trong giai đoạn 2005-2014. Đề nghị bổ sung Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tại hồ sơ.</p>	<p>- Dự án đang đề xuất không phải là giai đoạn tiếp nối của dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam-KfW6”. Đối tượng hưởng lợi của hai dự án này là hoàn toàn khác nhau. Dự án KfW 6 được thực hiện trên diện tích rừng sản xuất do các hộ dân quản lý trong khi dự án KfW9.1 được đề xuất thực hiện trên diện tích rừng phòng hộ và rừng tự nhiên là rừng sản xuất.</p> <p>- Việc đánh giá Dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam-KfW6”: tại tiết 1.2 khoản 1 mục I phụ lục này.</p>

STT	Hợp phần Chương trình	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Vốn Đức sau điều chỉnh			Vốn đối ứng quy đổi (EUR)	Tổng cộng dự án thành phần (EUR)
					Tổng (EUR)	Không hoàn lại (EUR)	Vay (EUR)		
	Trồng rừng ở khoảng trống	TK tiền gửi	Vật tư	Số lượng					
	Thuế giá trị gia tăng	1.600 EUR/ha	200 EUR/ha	650	1.170.000		1.170.000	1.170.000	1.170.000
	Điều tra lập địa/ thiết kế lâm sinh và đo đạc để trồng rừng	Trộn gói ha	25 EUR	3.140	78.500	78.500	13.000	13.000	13.000
	Thuế giá trị gia tăng	Trộn gói		29	290.000	290.000	7.850	7.850	7.850
	Bảo vệ rừng bằng việc thuê lực lượng bảo vệ	Thôn	10.000 EUR	29	290.000	290.000		290.000	290.000
	Bảng chỉ dẫn	Thôn	300 EUR	29	8.700		8.700	8.700	8.700
	Thuế giá trị gia tăng	Trộn gói					870	870	870
	Khác	Trộn gói							
	Tổng phụ				71.300	981.000	71.300	71.300	71.300
	Tổng phụ				2.231.000	981.000	31.070	2.262.070	2.262.070
	Tổng phụ				33.000	33.000		33.000	33.000
	Tổng phụ								
	III. Hỗ trợ tổ hợp tác gia đình QLRBV								
	Tổng phụ								
	IV. Hội thảo và tập huấn								
	Tổng phụ								
	1 Hội thảo lập kế hoạch và đánh giá	Khóa	3.000 EUR	7	21.000	21.000		21.000	21.000
	2 Hội thảo kỹ thuật	Khóa	3.000 EUR	5	15.000	15.000		15.000	15.000
	3 Tập huấn cho nông dân	Tổng phụ			44.000	44.000		44.000	44.000
	Bảo vệ rừng (tuần tra)	Khóa	150 EUR	46	6.900	6.900		6.900	6.900
	Sản xuất cây con	Khóa	150 EUR	10	1.500	1.500		1.500	1.500
	Trồng rừng gồm trồng vào khoảng trống và trồng dưới tán	Khóa	150 EUR	85	12.800	12.800		12.800	12.800
	Hỗ trợ KNTS (ANR)	Khóa	150 EUR	125	18.750	18.750		18.750	18.750
	Khác	Trộn gói	4.050 EUR	1	4.050	4.050		4.050	4.050
	4 Thăm quan học tập trong nước cho cán bộ dự án	Chuyên	5.000 EUR	2	10.000	10.000		10.000	10.000
	5 Thăm quan học tập môi trường cho nông dân	Chuyên	500 EUR	20	10.000	10.000		10.000	10.000
	Tổng phụ				100.000	100.000		100.000	100.000
	Tổng phụ								
	V. Giám sát, lập bản đồ và nghiên cứu								
	Tổng phụ								
	1 Phục kiểm đo đạc đất đai	ha	30 EUR	400	12.000	12.000		12.000	12.000
	Thuế giá trị gia tăng	Trộn gói					1.200	1.200	1.200
	2 Kiểm tra chéo thực hiện QLRBV	Tổng phụ			48.000	48.000		48.000	48.000
	Kiểm tra chéo phục hồi rừng	ha*4	30 EUR	1.600	48.000	48.000		48.000	48.000
	Thuế giá trị gia tăng	Trộn gói					4.800	4.800	4.800
	Giám sát tác động	Trộn gói	5.000 EUR	1	5.000	5.000		5.000	5.000
	Thuế giá trị gia tăng	Trộn gói					500	500	500
	4 Lập bản đồ rừng	Trộn gói	5.000 EUR	1	5.000	5.000		5.000	5.000
	Thuế giá trị gia tăng	Trộn gói					500	500	500
	Tổng phụ				70.000	70.000	7.000	77.000	77.000
	Tổng phụ								
	VI. Tăng cường năng lực								
	Tổng phụ								
	1 Phương tiện đi lại	Tổng phụ			10.000	10.000		10.000	10.000
	Xe máy	PPMU	1.000 EUR	10	10.000	10.000		10.000	10.000
	Thuế giá trị gia tăng	Trộn gói					1.000	1.000	1.000
	2 Thiết bị văn phòng và phần mềm	Tổng phụ			10.000	10.000		10.000	10.000

STT	Hợp phần Chương trình	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Vốn Dự sau điều chỉnh			Vốn đối ứng quy đổi (EUR)	Tổng cộng dự án thành phần (EUR)
					Tổng (EUR)	Không hoàn lại (EUR)	Vay (EUR)		
	<i>BQLDA tỉnh</i>								
	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	<i>Tỉnh</i>	<i>10.000 EUR</i>	<i>1</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>		<i>1.000</i>	<i>10.000</i>
	<i>Tổng phụ</i>	<i>Tron gói</i>				<i>20.000</i>		<i>2.000</i>	<i>1.000</i>
VII.	Chi thường xuyên					20.000		2.000	22.000
	Chi vận hành								
	Tỉnh (1 Ban QLDA tỉnh)	Van phòng	280.000 EUR	1				845.050	845.050
	Ban quản lý rừng (3 Ban QLDA huyện)	Van phòng	188.350 EUR	3				280.000	280.000
								565.050	565.050
	TỔNG CỘNG				3.350.000	2.100.000	1.250.000	900.000	4.250.000

PHỤ LỤC 03

KẾ HOẠCH VAY TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Công văn số 2621 /UBND-KTN ngày 02 /6/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng



	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2021	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022	DỰ KIẾN NĂM 2023	DỰ KIẾN NĂM 2024	DỰ KIẾN NĂM 2025	GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
1	2	3	4	5	6	7	
A	MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP	3.912.027	3.247.018	4.047.805	4.536.291	5.527.571	
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	41.300	83.100	557.030	490.959	443.673	
C	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC						
I	Tổng dư nợ đầu năm	163.860	180.710	237.181	767.582	1.227.728	1.227.728
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)	4,2	5,6	5,9	16,9	22,2	
1	Trái phiếu chính quyền địa phương						
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)	163.860	180.710	237.181	767.582	1.227.728	
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật						
II	Trả nợ gốc vay trong năm	24.450	26.629	26.629	30.813	34.929	143.450
1	Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay	24.450	26.629	26.629	30.813	34.929	
	- Trái phiếu chính quyền địa phương						
	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	24.450	26.629	26.629	30.813	34.929	
	- Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật						
2	Nguồn trả nợ	24.450	26.629	26.629	30.813	34.929	143.450
	- Từ nguồn vay						
	- Bội thu ngân sách địa phương						
	- Tăng thu, tiết kiệm chi	5.010	7.189	7.189	11.373	15.489	46.250
	- Kết dư ngân sách cấp tỉnh						
	Nguồn trả nợ do Công ty Điện lực trả (Dự án RE II)	19.440	19.440	19.440	19.440	19.440	
III	Tổng mức vay trong năm	41.300	83.100	557.030	490.959	443.673	1.616.062
1	Theo mục đích vay	41.300	83.100	557.030	490.959	443.673	
	- Vay bù đắp bội chi	41.300	83.100	557.030	490.959	443.673	1.616.062
	- Vay trả nợ gốc						
2	Theo nguồn vay	41.300	83.100	557.030	490.959	443.673	
	- Trái phiếu chính quyền địa phương						
	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	41.300	83.100	557.030	490.959	443.673	
	- Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật						
IV	Tổng dư nợ cuối năm	180.710	237.181	767.582	1.227.728	1.636.472	1.636.472
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)	4,6	7,3	19,0	27,1	29,6	
1	Trái phiếu chính quyền địa phương						
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)	180.710	237.181	767.582	1.227.728	1.636.472	
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật						
D	Trả nợ lãi, phí	1.259	4.000	16.752	28.014	28.663	78.688

